

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2026/DS-PT

Ngày: 18 - 8 - 2026

V/v: Yêu cầu bồi thường thiệt hại về
tài sản và bù đắp tổn thất về tinh thần.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Minh Quang;

2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2026/TLPT-DS ngày 26/5/2026, về việc: “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và bù đắp tổn thất về tinh thần*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2026/DS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 346/2026/QĐPT-DS, ngày 17/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2026/QĐ-PT ngày 06/8/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H1, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số A đường L, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H2, sinh năm: 1968; địa chỉ: Buôn J, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị V, sinh năm: 1972; địa chỉ: Buôn J, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung như sau:*

Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (cũ) giải quyết vụ việc “Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất”, giữa nguyên đơn ông Phạm Văn H2, bà Huỳnh Thị V với bị đơn là bà Đặng Thị H, thì ông Phạm Văn H2 đã có hành vi phá hoại, chiếm đoạt tài sản của bà, cụ thể: Từ ngày 21/6/2023 đến ngày 27/6/2023, ông H2 thuê xe máy mức san lấp mặt bằng, làm hư hỏng các công trình trên đất của bà, gồm: Nhà cấp 4 lợp tôn diện tích khoảng 60m², trị giá khoảng 60.000.000 đồng; chuồng heo diện tích khoảng 30m², trị giá 30.000.000 đồng; giếng đào trị giá 10.000.000 đồng; phế liệu sắt, thép, nhôm, nhựa trị giá khoảng 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, từ tháng 8/2023 đến nay, ông H2 tiếp tục có hành vi xâm phạm tài sản của bà H2 bằng việc thu gom phế liệu, nhổ rào và chặt phá cây trồng. Các tài sản gồm: Phế liệu sắt, thép, nhôm, nhựa trị giá khoảng 15.000.000 đồng; 12 ổ trứng ngỗng trị giá 6.000.000 đồng; 15 bụi gừng trồng năm 2008 trị giá 7.500.000 đồng; 14 cây sầu riêng trồng năm 2008 trị giá 70.000.000 đồng; 02 cây mít trồng năm 2008 trị giá 2.000.000 đồng; 01 cây xoan đào trồng năm 2006 bị cưa đổ, bán gỗ trị giá 3.000.000 đồng; 04 cây bơ Booth trồng năm 2008 trị giá 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của bà bị ông Phạm Văn H2 phá hoại, chiếm đoạt là 211.500.000 đồng (hai trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài thiệt hại về tài sản như trên, thì hành vi của ông H2 đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bà, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, tinh thần và sức khỏe của bà. Do đó, bà H2 yêu cầu ông H2 bồi thường tổn thất về tinh thần tương ứng với 60 tháng lương cơ sở, theo mức 2.340.000 đồng/tháng, với số tiền 140.400.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hiện nay, toàn bộ các tài sản nêu trên đều không còn. Khi xảy ra sự việc, bà H2 có mời Công an xã đến làm việc nhưng không lập biên bản ghi nhận sự việc và thiệt hại, nên bà H2 không có tài liệu, chứng cứ để xác định chính xác số lượng tài sản bị thiệt hại. Tuy nhiên, các tài sản nêu trên là tài sản thực tế của bà đã bị ông Phạm Văn H2 phá hoại, làm hư hỏng. Do đó, bà H2 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn H2 phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 211.500.000 đồng (hai trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng); bồi thường thiệt hại về tinh thần số tiền 140.400.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Bà H2 xác định, sau khi bà nộp đơn khởi kiện thì ông H2 vẫn tiếp tục có hành vi phá hoại, gây thiệt hại đối với tài sản, nên bà đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, làm rõ.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn H2 trình bày có nội dung như sau:*

Thửa đất số 932, tờ bản đồ số 66 tại xã K, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do bố mẹ vợ của ông H2 là ông Huỳnh Xuân S và bà Hồ Thị L cho vợ chồng ông H2, bà V quản lý, sử dụng từ năm 1995 đến nay. Trong quá trình sử dụng thửa đất, năm 2013 bà V thấy hoàn cảnh gia đình của bà Đặng Thị H khó khăn, nên đã cho bà H vào ở nhờ trên một phần đất của gia đình. Gia đình ông H, bà V đã xây dựng một căn nhà diện tích khoảng 24m², vật liệu xây dựng và tiền công thợ do bà V chi trả, bà H là người gọi công thợ xây dựng căn nhà để bà H đến ở nhờ. Việc vợ chồng

ông H cho ở nhờ không có thỏa thuận chuyển nhượng hoặc tặng cho quyền sử dụng đất.

Trong thời gian sinh sống trên phần đất cho ở nhờ, bà H chăn nuôi gia cầm gây thiệt hại hoa màu của gia đình ông H và các hộ dân xung quanh, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2018, gia đình ông H yêu cầu bà H chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng bà H không thực hiện mà tự ý dựng thêm một căn nhà khung sắt, thưng tôn, mái tôn, diện tích khoảng 30,6m² trên phần đất của gia đình ông H và trả lại căn nhà cũ cho vợ chồng ông H.

Vào năm 2019, ông H làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giải quyết nhưng không thành nên ông H đã khởi kiện ra Tòa án. Tại Bản án số 55/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk) đã xét xử và tuyên buộc bà Đặng Thị H phải tháo dỡ, di dời căn nhà khung sắt, thưng tôn, mái tôn, nền lán xi măng để trả lại cho bà Huỳnh Thị V và ông H phần đất có diện tích 30,6m² thuộc thửa đất số 932, tờ bản đồ số 66, tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bản án còn giao 01 cây dừa và 01 bụi tre cho bà V, ông H được quyền quản lý, sử dụng; đồng thời buộc bà V và ông H thanh toán lại giá trị hai tài sản này với số tiền 10.878.200 đồng và Tại Bản án phúc thẩm số 82/2024/DS-PT ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 16/10/2025, Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đắk Lắk đã tổ chức cưỡng chế thi hành án và giao trả lại đất cho gia đình ông H. Hiện nay gia đình ông H đang làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Ông H xác định đối với việc bà H cho rằng ông san lấp mặt bằng làm hư hỏng tài sản, cây trồng trên đất của bà là không có căn cứ, vì ông H chỉ thực hiện việc cải tạo, canh tác trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định. Do đó, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị V trình bày có nội dung như sau:* Bà V là vợ của ông Phạm Văn H2, bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến trình bày của ông Phạm Văn H2 và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2026/DS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 584, 585, 589 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H về việc yêu cầu ông Phạm Văn H2 bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 211.500.000 đồng và bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền 140.400.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2026, nguyên đơn là bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo, với nội dung: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là không đúng; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án dân sự sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn H2 phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Đặng Thị H với số tiền 211.500.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 140.400.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị H3 rút một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Nguyên đơn rút nội dung kháng cáo về yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H2 bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 140.400.000 đồng; nguyên đơn giữ yêu cầu kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại về tài sản, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và buộc ông Phạm Văn H2 phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 211.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến, với nội dung: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá về yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn và cho rằng bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, nên kháng cáo của bà Đặng Thị H là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo đã rút một phần kháng cáo, nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đã rút. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 289 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị H về buộc ông Phạm Văn H2 bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 140.400.000 đồng.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H về bồi thường thiệt hại tài sản số tiền là 211.500.000 đồng và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H về yêu cầu ông Phạm Văn H2 phải bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 140.400.000 đồng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bà Đặng Thị H đã rút yêu cầu kháng cáo về nội dung này, xét thấy: Việc người kháng cáo bà Đặng Thị H đã rút một phần kháng cáo là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về yêu cầu kháng cáo đã rút và cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đã rút theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là phù hợp.

[2] Về yêu cầu khởi kiện và phần kháng cáo bồi thường thiệt hại về tài sản:

[2.1] Nguyên đơn bà Đặng Thị H cho rằng trong thời gian từ ngày 21/6/2023 đến ngày 27/6/2023, ông Phạm Văn H2 đã có hành vi thuê xe máy mức san lấp mặt bằng làm hư hỏng tài sản, thu gom phế liệu, nhổ rào và chặt phá cây trồng của bà H2, đã gây thiệt hại về tài sản của bà H2, nên yêu cầu ông H2 bồi thường thiệt hại về tài sản, với tổng số tiền là 211.500.000 đồng. Nguyên đơn bà H2 cung cấp 08 tấm ảnh màu để chứng minh việc bị đơn có hành vi gây thiệt hại về tài sản. Tuy nhiên, 08 tấm ảnh do nguyên đơn cung cấp chỉ thể hiện hình ảnh chụp tại hiện trường khu đất có máy móc và một số người có mặt; không xác định được tình trạng các tài sản có trước và sau khi bị hư hỏng, thiệt hại cụ thể như thế nào; các hình ảnh này không xác định được ông Phạm Văn H2 là người thực hiện hành vi gây thiệt hại tài sản như nội dung trình bày của nguyên đơn. Đồng thời, Tại Công văn số 29/CV-CAX ngày 30/01/2026 của Công an xã K, tỉnh Đắk Lắk trả lời cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk về đơn trình báo của bà Đặng Thị H, cũng chỉ thể hiện nội dung là lực lượng chức năng của Công an xã có đến hiện trường nhưng khi đến địa điểm xảy ra tranh chấp thì không thấy ông Phạm Văn H2 có mặt tại đó mà chỉ có bà H2 và bà Huỳnh Thị V (vợ ông H2), các bên không xảy ra xô xát, va chạm gì, nên Công an xã chỉ tiến hành các biện pháp nắm tình hình, đảm bảo trật tự không để xảy ra va chạm giữa hai bên, do hai bên không xảy ra xô xát hay va chạm gì nên Công an xã E không lập biên bản. Còn đối với bị đơn ông Phạm Văn H2 thì không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn, ông H2 cho rằng gia đình ông chỉ thực hiện việc cải tạo, canh tác trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình đã được Tòa án các cấp xác định và ông không có hành vi phá hoại tài sản hay gây thương tích cho bà Đặng Thị H.

[2.2] Như vậy, các tài sản mà nguyên đơn cho là bị thiệt hại hiện không còn tồn tại, không được cơ quan có thẩm quyền lập biên bản ghi nhận tại thời điểm xảy ra sự việc; nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu và chứng cứ chứng minh về số lượng, nguồn gốc tài sản bị thiệt hại gồm những tài sản gì, thiệt hại thực tế đã xảy ra và lỗi của người gây thiệt hại là ông Phạm Văn H2; ngoài ra, tại phần diện tích đất nơi xảy ra sự việc đã được xác định thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bị đơn theo các bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

[2.3] Xét thấy: Nguyên đơn bà Đặng Thị H cho rằng bị đơn ông Phạm Văn H2 đã có hành vi thuê xe máy mức san lấp mặt bằng làm hư hỏng tài sản, thu gom phế liệu, nhổ rào và chặt phá cây trồng, gây thiệt hại về tài sản, đời sống tinh thần, sức khỏe của bà nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nên bản án sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H, là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà

Đặng Thị H là không có cơ sở chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Đặng Thị H, sinh năm 1962 (64 tuổi) là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bà Đặng Thị H về yêu cầu ông Phạm Văn H2 phải bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 140.400.000 đồng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Đặng Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2026/DS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

Áp dụng: Các Điều 584, 585, 589 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H về việc yêu cầu ông Phạm Văn H2 bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 211.500.000 đồng (hai trăm mười một triệu, năm trăm nghìn đồng) và bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần số tiền 140.400.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng).

2.2. Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (vụ 2);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 4 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV4 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình